

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2017/HSST**
Ngày: 13/10/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Quan Nam**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Lực** - Giáo viên nghỉ hưu trí tại xã T;

2. Ông **Nguyễn Bạch Linh** - Phó Trưởng Phòng Lao động, thương binh và xã hội huyện V.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Đặng Đình Duẩn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Lý Khoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp, Tòa án nhân dân huyện V mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2017/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

- *Họ và tên:* **Phan Văn T**, sinh năm 1977; *Nơi sinh:* Đồng Tháp; *Đăng ký HKTT:* 63 ấp H, xã Tr, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; *Chỗ ở:* (Không ổn định); *Quốc tịch:* Việt Nam; *Dân tộc:* Kinh; *Tôn giáo:* Không có; *Nghề nghiệp:* Không có; *Trình độ học vấn:* 01/12; *Cha:* Phan Văn N, sinh năm 1954; *Mẹ:* Nguyễn Thị X, sinh năm 1956; *Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con lớn trong gia đình;* *Tiền án, tiền sự:* Không có; *Nhân thân:*

+ Ngày 01/12/2015 tự nguyện cai nghiện ma túy 01 tháng 03 ngày tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Đồng Tháp;

+ Ngày 27/11/1998 bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 09 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân*”;

+ Ngày 02/3/2004 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 12 tháng tù giam, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

+ Ngày 10/3/2009 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù giam, về tội “*Trộm cắp tài sản*”, ra trại ngày 13/01/2011;

Tạm giữ ngày: 01/3/2017; *Tạm giam ngày:* 10/3/2017; Đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp; có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Văn T: Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1956 (Mẹ ruột của T); *Trú tại:* 14 ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo T: Ông **Hứa Văn Đ** là Luật sư của Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. **Trần Thanh H**, sinh năm 1961; *Trú tại*: Tổ 11, ấp N, xã BN, huyện MC, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

2. **Đặng Thị M**, sinh năm 1953; *Trú tại*: Số 01, Tổ 9, ấp N, xã BN, huyện MC, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Phước Tg**, sinh năm 1959; vắng mặt tại phiên tòa.

4. **Phạm Thị R**, sinh năm 1960; vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng trú tại: 36/3 khu phố 4, TT. HT, huyện HT, Tây Ninh.

5. **Ngô Thị Ngọc Tn**, sinh năm 1996; *Trú tại*: Ấp P, xã TD, huyện HT, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

6. **Lê Thanh T1**, sinh năm 1972; *Trú tại*: Số 11, Tổ 12, ấp NH, xã BN, huyện MC, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

7. **Phạm Thị Phương N**, sinh ngày 27/5/2012; Người đại diện hợp pháp của người bị hại Phạm Thị Phương N: Chị **Lê Thị Ngọc S**, sinh năm 1984 (Mẹ ruột cháu N); *Cùng trú tại*: Ấp KT, xã CK, huyện MC, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

8. **Phạm Văn Q**, sinh năm 1965; *Trú tại*: 09/8 khu phố 4, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

9. **Trần Duy T2**, sinh năm 1993; *Trú tại*: 130 khóm 1, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Phan Văn Ng**, sinh năm 1968; *Trú tại*: 130 khóm 1, phường AT, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp; có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phan Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Về hành vi giữ người trái pháp luật: Vào chiều ngày 28/02/2017, sau khi sử dụng chất ma túy tại vườn cam sau nhà, Phan Văn T đi bộ đến thuê nhà trọ PL, thuộc ấp T, xã TM, huyện V để tiếp tục sử dụng ma túy. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T trả phòng và đi đến ngồi ở nhà chờ của phà CL (bên bờ xã TM, huyện V). Lúc này T bị ảo giác thấy có nhiều người truy sát, nên T nhờ anh Đào Diệp H là nhân viên bảo vệ phà điện thoại báo Công an xã TM, nhưng khi đến nơi do không có sự việc xảy ra, nên Công an xã TM đi về. Sau đó, T đi vào phòng bán vé lấy con dao Thái Lan bằng kim loại màu trắng, cán dao màu vàng, chiều dài 20cm để trên bàn. T cầm dao trên tay phải rồi la “có người giết tôi”, anh H nghe vậy chạy vào khuyên can, nhưng không thành.

Đến khoảng 01 giờ 35 phút ngày 01/3/2017, T cầm dao bỏ chạy ra đường, thì thấy xe Taxi ML mang biển số 66A-041.34 do anh Phan Ngọc T điều khiển, nên chạy đến mở cửa xe bên phải bước vào xe rồi la lớn “có người giết tôi”, thì anh Ngọc T bỏ xe chạy ra ngoài. Cùng thời điểm này phà đang cập bến, T cầm con dao Thái Lan

chạy về hướng xe đang lên phà, thì bị vấp té, nên lưỡi dao bị gãy. T tiếp tục cầm cán dao chạy lên xe ô tô khách loại 45 chỗ mang biển số 70B- 013.39 do anh Trần Thanh H điều khiển, đang dừng xe trên tỉnh lộ 848 hướng đi huyện CM, tỉnh An Giang để chờ khách lên xe, T lên xe rồi cầm cán dao dí vào người anh H1 và nói “đóng cửa lại”. Sau đó T nhìn bên tay trái anh H1 có 01 con dao xếp (dài 21,5cm, cán màu đỏ dài 12cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 9,5cm, rộng 2,5cm) nên ném bỏ cán dao, rồi chụp lấy con dao xếp kê vào hông phải người anh H1, đồng thời T kêu anh H1 đóng cửa xe lại và đe dọa hành khách đang ngồi trên xe gồm: Ngô Thị Ngọc Tn, Phạm Văn Q (Kình), Đặng Thị M, Phạm Thị R, Nguyễn Phước Tg, Lê Thanh T1 và cháu Phạm Thị Phương N, sinh ngày 27/5/2012 không được xuống xe, nếu ai không làm theo yêu cầu, thì T sẽ dùng dao đâm anh H1. Sau đó lực lượng Công an đến vận động, thuyết phục nhiều lần nhưng T không chấp hành.

Đến khoảng 02 giờ 15 phút cùng ngày, T yêu cầu anh H1 điều khiển xe chạy đến Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện V, tỉnh Đồng Tháp và nói “Công an mà lên xe là tôi đâm tài xế”. Khi xe đến Ủy ban nhân dân xã Tr, thì T yêu cầu anh H1 điều khiển xe đến chợ MD, thuộc ấp KA, xã Tr. Lúc này chị T1 nhìn T định xin âm cháu N đi tiểu, vì xe chỉ có một cửa đi lên gần chỗ T đang đứng, nhưng T nói “bà ngồi yên, nhìn cái gì, tôi đâm bà bây giờ, ra phía sau xe kia”. Tại đây, T yêu cầu lực lượng Công an cho gặp mẹ ruột là bà Nguyễn Thị X và em trai tên Phan Quy H2, nhưng khi gặp được, thì T vẫn dùng dao khống chế anh H1 và không cho 07 hành khách xuống xe. Đến khoảng 05 giờ sáng cùng ngày, lực lượng Công an đã dùng bình xịt hơi cay khống chế bắt giữ T.

Về hành vi trộm cắp tài sản: Vào ngày 31/12/2016, sau khi uống rượu cùng Ngô Văn H3, Trần Duy T2 và Nguyễn Minh T2 tại nhà cậu của H4 tại xã An Bình B, thị xã HN, đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T rủ Tân đi uống rượu tiếp, thì Tân đồng ý. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu trắng biển số 66H1-185.28 của Tân chở Tân đến tum số 02 của quán Bình Phương, thuộc Khóm 1, phường AT, thị xã HN để uống rượu tiếp. Khoảng 01 giờ sau, anh Tân say rượu nên ngủ tại bàn, T thấy anh Tân để điện thoại di động Iphone 5 màu trắng và chìa khóa xe trên bàn, nên nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại và xe. T lấy điện thoại cất vào túi quần, sau đó đi ra khu vực đậu xe mở khóa xe biển số 66H1-185.28 rồi chạy xe đi. Đến ngày 01/01/2017, T bán xe với giá 10.000.000đ cho một người (không biết tên, địa chỉ cụ thể) ở huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Hiện xe mô tô và điện thoại di động không thu hồi được. Sau khi có tiền, T dùng để mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Đến ngày 13/02/2017, T đến Công an phường AT, thị xã HN để đầu thú hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Cơ quan điều tra thu giữ của Phan Văn T và đã trả lại cho anh Trần Duy T2: 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Trần Duy T2. Thu giữ tại hiện trường 01 (một) con dao xếp chiều dài 21,5cm, cán màu đỏ dài 12cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 9,5cm, rộng 2,5cm.

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số: 43/2017/KLGĐTC ngày 12/5/2017 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận đối với Phan Văn T như sau:

- Về y học: Trước, trong, sau khi phạm tội và hiện tại đương sự có bệnh lý tâm thần: Rối loạn nhân cách và hành vi do sử dụng nhiều loại ma túy (F19.71- ICD10). Đương sự mắc bệnh do sử dụng ma túy.

- Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần.

- Đề nghị: Không.

- Ý kiến khác: Không.

Tại biên bản định giá số 13/BB-HĐĐGTG ngày 13/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản thị xã HN kết luận: 01 (một) xe mô tô biển số 66H1-185.28, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng-đen-bạc, số máy: HC12E7057689, số khung: RLHHC1258FY057632, loại Wave Alpha trị giá 15.000.000đ.

Tại biên bản định giá số 26/BB-HĐĐGTG ngày 19/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản thị xã HN kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng, bộ nhớ 08GB (phiên bản quốc tế chất lượng 85% - 90%) trị giá 2.200.000đ.

Những người bị hại yêu cầu bị cáo Phan Văn T bồi thường như sau:

- Anh Trần Thanh H: Tiền tổn thất tinh thần là 5.000.000đ.

- Anh Trần Duy T2: Tổng thiệt hại tài sản là 22.300.000đ, gồm: Xe mô tô là 19.300.000đ, điện thoại di động là 3.000.000đ.

Những người bị hại Ngô Thị Ngọc Tn, Phạm Văn Q, Đặng Thị M, Phạm Thị R, Nguyễn Phước Tg, Lê Thanh T1 và người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Thị Phương N không yêu cầu bị cáo T bồi thường.

Tại cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 26/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Phan Văn T ra Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp, đề xét xử về tội “*Giữ người trái pháp luật*” theo điểm đ khoản 2 Điều 123 và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên khẳng định việc truy tố trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi sử dụng trái phép chất ma túy Phan Văn T bị “Ngáo đá”, nên vào khoảng 01 giờ 35 phút ngày 01/3/2017, T đã dùng con dao xếp để khống chế anh Trần Thanh H là tài xế xe ô tô biển số 70B-013.39 và đe dọa 07 người khác đang ngồi trên xe không cho xuống xe, giữ người trong khoảng thời gian 03 giờ; Ngoài ra, vào ngày 31/12/2016, T đã lợi dụng lúc anh Trần Duy T2 ngủ say, để lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển số 66H1-185.28 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 với tổng giá trị là 17.200.000đ để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của Phan Văn T đã xâm phạm đến quyền tự do bất khả xâm phạm về thân thể và tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương.

Trên cơ sở phân tích tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tội phạm, nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 123 và khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn T mức án từ 02 năm đến 03 năm tù, về tội “*Giữ người trái pháp luật*” và mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”;

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 41 của Bộ luật hình sự, tuyên tịch thu hủy bỏ 01 con dao xếp chiều dài 21,5cm, cán màu đỏ dài 12cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 9,5cm, rộng 2,5cm.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 42 của Bộ luật hình sự, tuyên buộc bị cáo Phan Văn T bồi thường thiệt hại cho:

+ Anh Trần Duy T2 là 17.200.000đ;

+ Anh Trần Thanh H tiền tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Phan Văn T là Luật sư Hứa Văn Đ thống nhất với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát về tội danh đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết bị cáo đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo có tiền sử bệnh lý tâm thần làm hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn T thừa nhận và đã trình bày chi tiết hành vi dùng con dao xếp chiều dài 21,5cm, cán màu đỏ dài 12cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 9,5cm, rộng 2,5cm để khống chế anh Trần Thanh H là tài xế xe ô tô biển số 70B-013.39 và đe dọa 07 người khác đang ngồi trên xe không cho xuống xe và giữ người trong khoảng thời gian 03 giờ; Ngoài ra, vào ngày 31/12/2016, T đã lợi dụng lúc anh Trần Duy T2 ngủ say, để lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển số 66H1-185.28 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 với tổng giá trị là 17.200.000đ để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, đúng như nội dung Cáo trạng đã mô tả và tại phần tranh luận bị cáo cũng không có ý kiến tranh luận gì với Kiểm sát viên, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời thừa nhận tội của bị cáo Phan Văn T phù hợp với lời khai của những người bị hại, hiện trường vụ án, lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu khác thu thập được và tại phần tranh luận bị cáo Phan Văn T cũng thống nhất lời luận tội của Kiểm sát viên. Cho nên có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Phan Văn T đã có hành vi dùng con dao xếp chiều dài 21,5cm, cán màu đỏ dài 12cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 9,5cm, rộng 2,5cm để khống chế anh Trần Thanh H là tài xế xe ô tô biển số 70B- 013.39 và đe dọa 07 người khác đang ngồi trên xe không cho xuống xe và giữ người trong khoảng thời gian 03 giờ; Ngoài ra, vào ngày 31/12/2016, T đã lợi dụng lúc anh Trần Duy T2 ngủ say, để lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 66H1-185.28 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 với tổng giá trị là 17.200.000đ để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Vì vậy hành vi của bị cáo Phan Văn T đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “*Giữ người trái pháp luật*” theo điểm đ khoản 2 Điều 123 và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại điểm đ khoản 2 Điều 123 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm:

...;

đ) Đối với nhiều người.”.

Tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây H4 quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Phan Văn T là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền tự do bất khả xâm phạm về thân thể, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương; xâm phạm tài sản của anh Trần Duy T2 một cách trái pháp luật. Quyền tự do bất khả xâm phạm về thân thể của con người và quyền về tài sản của công dân là khách thể được Luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi trái phép xâm phạm đến, nhưng vì không tôn trọng quyền bất khả xâm phạm về thân thể của người khác, với bản chất tham lam, ý thức xem thường luật pháp, muốn mau chóng có tiền tiêu xài mà không phải bỏ ra công sức lao động hợp pháp, nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật và lén lút lấy trộm tài sản của anh Trần Duy T2; bị cáo có nhân thân xấu; hành vi trộm cắp tài sản của anh Trần Duy T2 đã đủ định lượng cấu thành tội *“Trộm cắp tài sản”*; hành vi giữ người trái pháp luật đối với 08 người, trong đó có một trẻ em là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 và điểm đ khoản 2 Điều 123 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm mục đích giáo dục phòng ngừa chung.

Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng mức hình phạt thích đáng, tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, học tập trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa này, bị cáo Phan Văn T đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Trần Duy T2 bị cáo đã đầu thú; bị cáo thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật trong tình trạng có tiền sử bệnh lý tâm thần làm hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Tại phiên tòa, anh Trần Duy T2 yêu cầu bị cáo Phan Văn T bồi thường tổng thiệt hại về tài sản là 17.200.000đ (Xe mô tô là 15.000.000đ và điện thoại di động là 2.200.000đ). Bị cáo T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh Tân. Sự thỏa thuận bồi

thường này phù hợp với quy định tại Điều 589 của Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Anh Trần Thanh H yêu cầu bị cáo Phan Văn T bồi thường tổn thất tinh thần bằng tiền là 5.000.000đ, bị cáo T thống nhất bồi thường theo yêu cầu của anh H1. Sự thỏa thuận bồi thường này phù hợp với quy định tại Điều 592 của Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Những người bị hại Ngô Thị Ngọc Tn, Phạm Văn Q (Kình), Đặng Thị M, Phạm Thị R, Nguyễn Phước Tg, Lê Thanh T1 và người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Thị Phương N không yêu cầu bị cáo T bồi thường, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về vật chứng: Đối với 01 con dao xếp chiều dài 21,5cm, cán màu đỏ dài 12cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 9,5cm, rộng 2,5cm là công cụ, phương tiện dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, chủ sở hữu là anh Trần Thanh H không có yêu cầu nhận lại, nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 41 của Bộ luật hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với nội dung cáo trạng đã truy tố, luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo về khung hình phạt, mức hình phạt, mức bồi thường dân sự theo sự tự nguyện của bị cáo và đề nghị của Kiểm sát viên; người bào chữa không có ý kiến tranh luận gì với Kiểm sát viên; đề nghị của người bào chữa về các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn T phạm tội “*Giữ người trái pháp luật*” và tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 123; khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48 và Điều 50 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt: Bị cáo Phan Văn T 02 (Hai) năm tù, về tội “*Giữ người trái pháp luật*” và 01 (Một) năm tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Hình phạt chung của hai tội bị cáo Phan Văn T phải chấp hành là 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/3/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự; Điều 589 và Điều 592 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Phan Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho:

- Anh Trần Duy T2 là 17.200.000đ (Mười bảy triệu, hai trăm nghìn đồng);

- Anh Trần Thanh H là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, anh Tân và anh H1 có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Phan Văn T chậm thi hành án số tiền phải bồi thường nêu trên, thì bị cáo Phan Văn T còn phải trả thêm cho anh Tân và anh H1 tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

4. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 41 của Bộ luật hình sự;

Tịch thu tiêu hủy của anh Trần Thanh H 01 con dao xếp chiều dài 21,5cm, cán màu đỏ dài 12cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 9,5cm, rộng 2,5cm.

Vật chứng đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện V giữ *(theo Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 26/6/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V)*.

5. Án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Phan Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.110.000đ (Một triệu, một trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND H. V;
- CA H. V;
- CC THA-DS H. V;
- Bị cáo, bị hại, NLQ;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Quan Nam